

THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM
MÁY VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

TS. Đào Thị Bích Hồng

Bộ môn Lý luận chính trị

Trường Đại học Bách khoa TP. HCM

TÓM TẮT BÁO CÁO
HỘI THẢO KHOA HỌC ĐHQG TP. HỒ CHÍ MINH

Đổi mới là một quá trình. Bước ngoặt trong đổi mới tư duy kinh tế của Đảng là chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa - đó là nền kinh tế không chỉ có hai thành phần kinh tế quốc doanh và tập thể, mà tồn tại nhiều thành phần kinh tế khác nhau. Sự đổi mới tư duy kinh tế của Đảng về các thành phần kinh tế có tầm quan trọng đặc biệt, tạo điều kiện thuận lợi cho mỗi cá nhân, tổ chức trong toàn xã hội phát huy mọi tiềm năng, sáng tạo, khai thác tối đa mọi nguồn lực cho sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội của đất nước. Đổi mới tư duy kinh tế về phát triển nền kinh tế nhiều thành phần còn góp phần quan trọng trong việc hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Thông qua tính dân chủ trong hoạt động kinh tế, mọi cá nhân đều có quyền tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh một cách bình đẳng theo pháp luật.

Sự đổi mới tư duy của Đảng về phát triển các loại hình sở hữu và các thành phần kinh tế những năm (1986-2013), đã góp phần làm cho sản xuất phát triển, đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt, song bên cạnh đó vẫn còn tồn đọng và nảy một số vấn đề, đòi hỏi phải có biện pháp tích cực để khắc phục.

NỘI DUNG BÁO CÁO

Trong tác phẩm *Phê phán Cương lĩnh Gô - ta*, C. Mác khẳng định rằng, từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội là một thời kỳ quá độ chính trị, trong đó nhà nước không phải cái gì khác ngoài chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản. Đó là một thời kỳ sinh đẻ lâu dài và đau đớn, *một thời kỳ mà chủ nghĩa xã hội phát triển trên những cơ sở chưa phải là của chính nó*. Đây là một chỉ dẫn hết sức quan trọng cho công cuộc xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, đặc biệt là cho quá trình đổi mới tư duy kinh tế.

Trải qua gần 30 năm thực hiện công cuộc đổi mới, tư duy lý luận của Đảng không ngừng phát triển, với những thay đổi có tính cách mạng trên nhiều vấn đề lớn, mang tính chiến lược, nhất là trong nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đã có những đổi mới tư duy lý luận – thực tiễn rất quan trọng về chế độ sở hữu và thành phần kinh tế, gắn với những đổi mới về cơ chế quản lý kinh tế, thực hiện dân chủ hóa kinh tế, đổi mới chế độ phân phối và nhận thức rõ hơn về định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thực tiễn đòi hỏi phải tiếp tục đổi mới mạnh mẽ hơn để giải phóng sức sản xuất, phát huy ngày càng tốt hơn mọi nguồn lực, tạo điều kiện thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

1. Những đổi mới trong tư duy của Đảng về chế độ sở hữu và thành phần kinh tế

Với tinh thần đổi mới toàn diện, bắt đầu từ đổi mới tư duy kinh tế, Đại hội VI của Đảng (12-1986) chỉ rõ: “Muốn đưa nền kinh tế thoát khỏi tình trạng rối ren, mất cân đối, *phải dứt khoát sắp xếp lại nền kinh tế quốc dân theo cơ cấu hợp lý*, trong đó các ngành, các vùng, các thành phần kinh tế, các loại sản xuất có quy mô và trình độ kỹ thuật khác nhau phải được bố trí cân đối, liên kết với nhau, phù hợp với điều kiện thực tế, đảm bảo nền kinh tế phát triển ổn định”¹.

Đại hội khẳng định phải giải phóng sức sản xuất, khuyến khích làm giàu, xóa đói giảm nghèo; coi đó là khâu đột phá để phát triển; không ngừng đổi mới, hoàn thiện quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, nhằm giải phóng triệt để sức sản xuất, thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển, cải thiện đời sống nhân dân. Từ đó tạo ra sự đồng thuận ngày càng cao trong xã hội, tạo động lực thu hút mọi nguồn lực

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, tr. 47.

trong xã hội đầu tư cho phát triển và giữ vững ổn định chính trị – xã hội. Điều đáng chú ý là Đại hội đã chú trọng lấy phát triển lực lượng sản xuất làm động lực để hoàn thiện và đổi mới quan hệ sản xuất.

Nếu như trước khi bước vào thời kỳ đổi mới, ở Việt Nam chỉ chú trọng phát triển các thành phần kinh tế công hữu, trong nhận thức cũng như trong hành động không thừa nhận nền kinh tế nhiều thành phần, thì khi bước vào thời kỳ đổi mới, đã khẳng định chủ trương xây dựng nền kinh tế với nhiều hình thức sở hữu khác nhau, gắn với dân chủ hóa nền kinh tế. Từ chỗ coi xí nghiệp quốc doanh là hình thức cao nhất, độc quyền và phát triển với tỷ trọng lớn trong các ngành nghề, lĩnh vực, hạn chế sự phát triển của kinh tế tư nhân, đã đi đến khẳng định: “Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh”². Với tư duy mới của Đảng, hình thức phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế từng bước được xóa bỏ.

Về kinh tế nhà nước: từ Đại hội VIII (6-1996), Đảng đã sử dụng khái niệm “*kinh tế nhà nước*”, bao gồm: ngân sách nhà nước, các quỹ của Nhà nước và doanh nghiệp nhà nước. Nội hàm “chủ đạo” qua nhiều năm đổi mới cũng có sự đổi mới khá cơ bản. Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) đã xác định *kinh tế nhà nước* giữ vai trò chủ đạo theo nghĩa: “có vai trò quyết định trong việc giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, ổn định và phát triển kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước”; đồng thời xác định *doanh nghiệp nhà nước* “giữ vị trí then chốt trong nền kinh tế, làm công cụ vật chất quan trọng để Nhà nước định hướng và điều tiết vĩ mô, làm lực lượng nòng cốt, góp phần chủ yếu để kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”. Các Đại hội X và XI của Đảng tiếp tục khẳng định: *kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo*.

Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, Đảng chủ trương: “Xóa bỏ độc quyền kinh doanh và đặc quyền sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước. Doanh nghiệp nhà nước có quyền tài sản, thực sự tự chủ, tự chịu trách nhiệm trên thị trường và trước pháp luật”³.

² Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 83.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 84.

Kinh tế tập thể, từ chỗ xác định mô hình hợp tác xã tập trung cao độ về tư liệu sản xuất, quản lý như với xí nghiệp quốc doanh, phân phối theo lao động (được xác định bằng công điểm), đã dần có những quy định để đổi mới phù hợp hơn với nguyên tắc tự nguyện, dân chủ, cùng có lợi. Phát triển kinh tế tập thể với nhiều hình thức hợp tác đa dạng mà nòng cốt là hợp tác xã. Khuyến khích phát triển các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh với sở hữu hỗn hợp mà chủ yếu là các doanh nghiệp cổ phần để loại hình kinh tế này trở thành phổ biến trong nền kinh tế, thúc đẩy xã hội hóa sản xuất kinh doanh và sở hữu.

Đại hội X (4-2006) khẳng định: “Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Kinh tế tư nhân có vai trò quan trọng, là một trong những động lực của nền kinh tế”⁴.

Với *kinh tế tư nhân*: Đảng chỉ đạo khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển, không ngừng nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh, tạo thêm nhiều việc làm. Kinh tế tư nhân được xem là một bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân. “Phát triển kinh tế tư nhân là vấn đề chiến lược lâu dài trong phát triển nền kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế, công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nâng cao nội lực đất nước trong hội nhập kinh tế quốc tế”⁵.

Như vậy, *kinh tế tư nhân*, từ chỗ bị kỳ thị, hạn chế và nhiều cấm đoán, đến nay đã có những đổi mới căn bản, xác định rõ phải bảo đảm quyền tự do kinh doanh theo pháp luật của mọi công dân. Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi về chính sách, pháp lý để kinh tế tư nhân phát triển trên những định hướng ưu tiên của Nhà nước, kể cả đầu tư ra nước ngoài; khuyến khích chuyển thành doanh nghiệp cổ phần, bán cổ phần cho người lao động, liên doanh liên kết với nhau, với kinh tế tập thể và kinh tế nhà nước.

Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, từ chỗ chỉ được coi là lực lượng bổ sung, đã được khẳng định có vai trò quan trọng, là bộ phận cấu thành của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Với mục tiêu phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để đưa nền kinh tế nước ta phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững.

2. Một số vấn đề lý luận và thực tiễn

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Sđd, tr. 83.

⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Các Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương khoá IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 57-58.

Dẫu rằng các nghị quyết của Đảng đã xác định các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bình đẳng trước pháp luật..., nhưng *sự bất bình đẳng, phân biệt đối xử trong đầu tư, kinh doanh của các thành phần kinh tế* vẫn còn thể hiện trong một số chính sách, đặc biệt là trong tiếp cận các nguồn lực đầu tư, kinh doanh và trong quan hệ của các cơ quan nhà nước với kinh tế tư nhân.

Doanh nghiệp nhà nước vẫn còn được bao cấp, ưu đãi dưới nhiều hình thức; độc quyền Nhà nước bị biến thành độc quyền doanh nghiệp. Trong việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đảng về doanh nghiệp nhà nước, bên cạnh những kết quả rõ rệt, cũng còn nhiều hạn chế, khuyết điểm. Doanh nghiệp nhà nước còn dàn trải ở nhiều ngành, lĩnh vực mà Nhà nước không cần giữ 100% vốn hoặc có cổ phần chi phối. Sắp xếp, cổ phần hóa và đổi mới doanh nghiệp nhà nước còn chậm. Hiệu quả kinh doanh và sức cạnh tranh nói chung còn thấp, thất thoát và thua lỗ còn lớn, đang là vấn đề bức xúc với nhiều khó khăn, thách thức.

Kinh tế tập thể phát triển chậm và còn nhỏ bé, chưa tạo được động lực để phát triển mạnh, rất khó cùng kết hợp với kinh tế nhà nước trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân. Còn nhiều hợp tác xã tồn tại mang tính hình thức ở nhiều địa phương.

Xu hướng vận động của thành phần kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể ở Việt Nam chưa thể hiện được “vai trò chủ đạo” và vai trò “nền tảng” trong nền kinh tế

Tỷ trọng kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể trong cơ cấu kinh tế chung của đất nước ở mức thấp và có xu hướng giảm dần (*Xem bảng 1*).

Kinh tế tư nhân, mặc dù được khuyến khích phát triển mạnh hơn, nhưng sự phân biệt đối xử vẫn còn nhiều trong các quy định chính sách, nhất là trong ứng xử của cán bộ và cơ quan công quyền với doanh nghiệp; môi trường đầu tư, kinh doanh còn nhiều vướng mắc.

Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trên thực tế chưa được coi là bộ phận cấu thành của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. So với các thành phần kinh tế khác trong nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài còn gặp nhiều khó khăn và bị hạn chế đầu tư (không được góp quá 30% vốn trong liên doanh).

Bảng 1: Tổng sản phẩm trong nước theo giá thực tế phân theo thành phần kinh tế

	Cơ cấu (%)					
	2005	2007	2008	2009	2010	Sơ bộ 2011
TỔNG SỐ	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
Kinh tế Nhà nước	38,40	35,93	35,54	35,14	33,74	33,03
Kinh tế ngoài Nhà nước	45,61	46,11	46,03	46,53	47,54	48,00
Kinh tế tập thể	6,81	6,21	5,66	5,45	5,35	5,22
Kinh tế tư nhân	8,89	10,18	10,50	11,02	11,33	11,57
Kinh tế cá thể	29,91	29,72	29,87	30,06	30,86	31,21
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	15,99	17,96	18,43	18,33	18,72	18,97

(Nguồn: Tổng cục thống kê Việt Nam, <http://gso.gov.vn>)

Nhà nước không thể cứ tiếp tục sử dụng ngân sách để trợ giúp các doanh nghiệp nhà nước chỉ vì để kinh tế nhà nước phải giữ được “*vai trò chủ đạo*” trong nền kinh tế khi khả năng kinh doanh thực sự của doanh nghiệp không có. Đây là một sự đầu tư lãng phí. Thực tế cho thấy trong cơ cấu loại hình doanh nghiệp, tỷ lệ doanh nghiệp nhà nước có xu hướng giảm, trong khi tỷ lệ các doanh nghiệp ngoài nhà nước lại có xu hướng tăng (Xem bảng 2).

Thực tiễn vận động của thành phần kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể cho thấy, nếu cứ theo chiều hướng này, thì trong thời gian hiện tại và vài thập kỷ tới, hai loại hình kinh tế này khó có khả năng trở thành “*nền tảng*” trong nền kinh tế của đất nước. Đây là vấn đề đòi hỏi phải được tiếp tục làm rõ.

Trong khi xác định kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát, *Luật Doanh nghiệp 2005* đã được ban hành, nhằm thực hiện sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế và các loại hình doanh nghiệp tương ứng. Việc xác định, “kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân” liệu có mâu thuẫn với quy luật kinh tế thị trường hay không? Nếu như thành phần kinh tế tư nhân cũng đăng ký phần đầu để trở thành “*nền tảng của nền kinh tế*” thì có được phép không?

Bảng 2: Cơ cấu doanh nghiệp phân theo loại hình doanh nghiệp (2000-2010)**Đơn vị tính: Phần trăm (%)**

	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010
Doanh nghiệp Nhà nước	13,62	10,36	8,53	6,73	5,01	3,62	2,82	2,24	1,62	1,36	1,13
Doanh nghiệp ngoài Nhà nước	82,78	85,75	87,81	89,60	91,55	93,11	93,97	94,57	95,65	96,01	96,38
Tập thể	7,65	7,05	6,52	5,76	5,83	5,61	4,74	4,29	6,58	4,92	4,09
Tư nhân	48,59	44,07	39,41	35,62	32,67	30,67	28,42	25,98	22,62	19,22	16,48
Công ty hợp doanh	0,01	0,01	0,04	0,02	0,02	0,03	0,02	0,03	0,03	0,03	0,03
Công ty TNHH	24,73	31,52	37,33	41,89	44,59	46,49	48,48	49,85	50,11	54,01	56,29
Công ty cổ phần có vốn Nhà nước	0,72	0,91	0,89	0,93	0,89	0,97	1,04	1,03	0,88	0,70	0,59
Công ty cổ phần không có vốn Nhà nước	1,07	2,18	3,61	5,38	7,54	9,34	11,27	13,39	15,43	17,13	18,90
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	3,61	3,89	3,67	3,67	3,44	3,27	3,21	3,19	2,73	2,63	2,49
DN 100% vốn nước ngoài	2,02	2,50	2,48	2,60	2,55	2,52	2,54	2,58	2,24	2,17	2,06
DN liên doanh với nước ngoài	1,59	1,39	1,19	1,07	0,89	0,75	0,67	0,61	0,49	0,46	0,43

(Nguồn từ Tổng cục thống kê Việt Nam, <http://gso.gov.vn>)

Kinh tế nhà nước muốn giữ vai trò “chủ đạo” và cùng với kinh tế tập thể trở thành “nền tảng” thì tự nó phải có sức mạnh. Trong điều kiện lực lượng sản xuất phát triển cao, hiện đại và tính chất xã hội hóa cao, các hình thức sở hữu toàn dân và tập thể mới có thể phát huy tác dụng. Lúc đó mới xuất hiện khả năng thực tế, làm cho kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Đó là vấn đề mang tính khách quan.

Trong điều kiện lực lượng sản xuất chưa phát triển, phải chăng đặt vấn đề coi kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân như hiện nay liệu có phù hợp với thực tiễn khách quan không? Có quá sớm so với sự phát triển của lực lượng sản xuất hay không? Đây là vấn đề Đại hội XI của Đảng (1-

2011) đã giải quyết một bước, không xác định vai trò “nền tảng” của hai thành phần kinh tế này nữa, nhưng vẫn khẳng định vai trò “chủ đạo” của kinh tế nhà nước.

Mặc dù kinh tế nhà nước có nhiều bộ phận, chứ không chỉ có doanh nghiệp nhà nước, nhưng sự yếu kém, làm ăn thua lỗ, gây thất thoát lớn trong nhiều tập đoàn thuộc thành phần kinh tế nhà nước đã được phát hiện trong những năm gần đây là hiện tượng rất đáng quan ngại. Đó là vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu để giải quyết trên cả hai phương diện lý luận và thực tiễn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Các Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương khoá IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX) về phát triển kinh tế - xã hội*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
9. Nguyễn Trọng Chuẩn, Nguyễn thế Nghĩa, Đặng Hữu Toàn (Đồng chủ biên): *Công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam - lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
10. Trang web của Tổng cục thống kê Việt Nam: <http://gso.gov.vn>